

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST  
Ngày 17 - 01 - 2025  
V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Ngọc Huyền  
Ông Huỳnh Trung Tính

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Thanh Tòng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 576/2024/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 225/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ : Tổng Giám đốc. Địa chỉ : số 266-268 KKN, Phường VT, Quận GG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh Gi - Chức vụ : Trưởng phòng giao dịch L. Người đại diện theo ủy quyền của ông Gi : Anh Lê Ngân Gi, sinh năm 1985- Chức vụ : Chuyên viên khách hàng phòng giao dịch L. Địa chỉ : số 315, đường 3/2, khóm B1, thị trấn L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phú M, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 213C, khóm B2, thị trấn L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đại diện theo ủy quyền là anh Lê Ngân Gi trình bày:

Ngày 24/8/2022, ông Nguyễn Phú M có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đồng Tháp, Phòng giao dịch L, hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2207628, ngày 30/8/2022 và các Điều khoản, Điều kiện phát hành thẻ, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 31,2%/năm lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông M1 đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền là 30.000.000 đồng; quá trình sử dụng Thẻ thì ông M1 đã thanh toán cho Ngân hàng vốn và lãi được 11.650.000 đồng. Từ ngày 16/4/2024, ông M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn nợ là 34.040.828 đồng sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 17/01/2025, ông M1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 47.081.434 đồng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông M1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông M1 trả nợ nhưng ông M1 vẫn không thực hiện, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Phú M1 trả cho Ngân hàng số tiền là 47.081.434 đồng. Trong đó, nợ gốc là 34.040.828 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.040.606 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2207628, ngày 30/8/2022.

- Bị đơn ông Nguyễn Phú M1 mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông M1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với ông M1 vắng mặt là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là: “*Tranh chấp về hợp đồng Vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông Nguyễn Phú M1, có địa chỉ: số 213C, khóm B2, thị trấn L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Gi có đơn vắng mặt, ông M1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết và giấy triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông M1 đều không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 17/01/2025. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều của 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Phú M1 và đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu buộc ông Nguyễn Phú M1 trả cho Ngân hàng số tiền là 39.784.344 đồng. Trong đó, nợ gốc là 34.040.828 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.040.606 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2207628, ngày 30/8/2022 đã ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Phú M1.

[4]. Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2207628 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S ngày 30/8/2022 thể hiện Ngân hàng và ông Nguyễn Phú M1 đã tự nguyện ký kết đề nghị cấp thẻ tín dụng; ông M1 có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng ông M1 đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Sau khi, ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cho ông M1 với hạn mức 30.000.000 đồng; mục đích vay sửa chữa ghe tàu, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Do đó, việc ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp với Điều 90, Điều 91, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng số 2207628 ngày 30/8/2022 thì ông M1 sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông M1 đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền 30.000.000 đồng; quá trình thực hiện hợp đồng ông M1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 11.650.000 đồng còn nợ gốc 34.040.828 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/01/2025 là 13.040.606 đồng.

Sau đó, ông M1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký. Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng xác định, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, nợ lãi, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo yêu cầu trả nợ và tạo điều kiện cho ông M1 thực hiện các cam kết, thỏa thuận trả nợ nhưng đến nay ông M1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông M1 trả cho Ngân hàng số tiền vay nợ gốc còn lại là 34.040.828 và tiền

lãi là có căn cứ và phù hợp với Điều 466 Bộ luật sự và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Về phần lãi suất: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 2, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng có đủ cơ sở để buộc ông Nguyễn Phú M1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay kể từ ngày 30/8/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông M1 nhưng đến nay ông M1 cũng không có Văn bản trình bày ý kiến và văn bản phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng gửi cho Tòa án. Ông M1 phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng nên đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông M1 trả tiền lãi trong hạn và quá hạn và lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 và Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Phú M1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay gốc còn nợ là 34.040.828 đồng và tiền lãi là 13.040.606 đồng. Tổng cộng là 47.081.434 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, không trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày 17/01/2025, ông Nguyễn Phú M1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S đã ký ngày 30/8/2022 cho đến khi trả nợ xong.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.354.071 đồng (*Hai triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi một đồng*).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 995.000 đồng (Chín trăm, chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015107 ngày 14 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND huyện Lập Vò;
- CCTHA dân sự huyện Lập Vò;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mân**